

Số: /2022/TT-BYT

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

THÔNG TƯ

Quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 06 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính;

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 do cơ sở y tế của Nhà nước thực hiện, bao gồm việc lấy mẫu, bảo quản mẫu, thực hiện và trả kết quả xét nghiệm SARS-CoV-2.

2. Phạm vi áp dụng:

a) Thông tư này áp dụng đối với các trường hợp: thanh toán chi phí xét nghiệm SARS-CoV-2 theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế; người sử dụng dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 tự chi trả và các trường hợp được ngân

sách Nhà nước chi trả theo quy định của Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Thông tư này không áp dụng đối với các trường hợp lấy mẫu, bảo quản mẫu, thực hiện và trả kết quả xét nghiệm SARS-CoV-2 tại cộng đồng do ngân sách Nhà nước chi trả theo quy định của Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm.

Điều 2. Cơ cấu giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2

Cơ cấu giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 quy định tại Thông tư này bao gồm:

1. Chi phí trực tiếp của việc lấy mẫu và bảo quản mẫu; thực hiện và trả kết quả xét nghiệm SARS-CoV-2.

2. Chi phí tiền lương theo ngạch bậc, các khoản phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ do Nhà nước quy định đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo mức lương cơ sở quy định tại Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; không bao gồm phụ cấp phòng, chống dịch COVID-19 của cán bộ và nhân viên y tế.

3. Chi phí sinh phẩm xét nghiệm SARS-CoV-2 (sinh phẩm xét nghiệm nhanh, sinh phẩm xét nghiệm miễn dịch, sinh phẩm xét nghiệm cho phản ứng) theo thực tế sử dụng và giá mua theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Điều 3. Mức giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2

1. Mức giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 trong trường hợp thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế:

a) Xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag test nhanh mẫu đơn:

Giá dịch vụ bao gồm chi phí trực tiếp và chi phí tiền lương theo quy định tại cột 1 mục I Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này cộng chi phí sinh phẩm xét nghiệm SARS-CoV-2 theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư này. Mức thanh toán tối đa không quá 78.000 đồng/xét nghiệm.

b) Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng máy miễn dịch tự động hoặc bán tự động mẫu đơn:

Giá dịch vụ bao gồm chi phí trực tiếp và chi phí tiền lương theo quy định tại cột 1 mục II Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này cộng chi phí sinh phẩm xét nghiệm SARS-CoV-2 theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư này. Mức thanh toán tối đa không quá 178.900 đồng/xét nghiệm.

c) Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR:

- Trường hợp mẫu đơn: Giá dịch vụ bao gồm chi phí trực tiếp và chi phí tiền lương theo quy định tại cột 1 mục III Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư

này cộng chi phí sinh phẩm xét nghiệm SARS-CoV-2 cho phản ứng theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư này. Mức thanh toán tối đa không quá 501.800 đồng/xét nghiệm.

- Trường hợp gộp mẫu: Giá dịch vụ bao gồm chi phí trực tiếp và chi phí tiền lương theo quy định tại cột 1 mục IV Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này cộng chi phí sinh phẩm xét nghiệm SARS-CoV-2 cho phản ứng theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư này, trong đó sinh phẩm xét nghiệm cho phản ứng được chia đều theo số mẫu gộp. Mức thanh toán tối đa không vượt quá mức giá xét nghiệm gộp mẫu quy định tại cột 2 mục IV Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Mức giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 trong trường hợp không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế:

a) Đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ sở khám, chữa bệnh trực thuộc các Bộ, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn địa phương, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này: Việc xác định mức giá thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này, trong đó mức giá bao gồm chi phí trực tiếp và chi phí tiền lương (chưa bao gồm sinh phẩm xét nghiệm phản ứng) do cấp có thẩm quyền của địa phương quy định nhưng không vượt mức giá tối đa khung giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 theo quy định tại cột 1 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế và các bệnh viện hạng đặc biệt, bệnh viện hạng I thuộc các Bộ, cơ quan trung ương và các cơ sở y tế của Nhà nước thực hiện dịch vụ y tế dự phòng: mức giá thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 4. Một số hướng dẫn về thanh toán

1. Trường hợp cơ sở y tế chuyển mẫu bệnh phẩm sang cơ sở y tế khác đủ điều kiện thực hiện xét nghiệm:

a) Đối với trường hợp thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế: thực hiện thanh toán đối với trường hợp chuyển thực hiện dịch vụ cận lâm sàng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế;

b) Đối với trường hợp không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế: thanh toán theo mức giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 của đơn vị thực hiện xét nghiệm theo quy định tại Thông tư này và chi phí mua sinh phẩm xét nghiệm của đơn vị thực hiện xét nghiệm theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Trường hợp việc lấy mẫu hoặc thực hiện xét nghiệm có sử dụng vật tư, sinh phẩm xét nghiệm được cấp từ nguồn phòng, chống dịch do ngân sách Nhà nước bảo đảm hoặc được các cơ quan, tổ chức, cá nhân hỗ trợ, tài trợ, cấp không thu tiền thì cơ sở y tế của Nhà nước phải trừ chi phí vật tư, sinh phẩm xét

nghiệm được hỗ trợ khi thu của người sử dụng dịch vụ, khi thanh toán, quyết toán với cơ quan bảo hiểm xã hội, ngân sách Nhà nước.

3. Trường hợp chi phí thực hiện xét nghiệm cao hơn mức giá tối đa quy định tại cột 2 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, cơ sở y tế của Nhà nước được quyết toán vào nguồn kinh phí giao tự chủ, nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị và không được thu của người sử dụng dịch vụ xét nghiệm.

4. Trường hợp mẫu gộp phát hiện dương tính, phải tiếp tục làm các xét nghiệm để phát hiện mẫu dương tính thì chi phí thực hiện xét nghiệm được tính tiếp theo từng trường hợp cụ thể bảo đảm nguyên tắc không trùng lặp về chi phí đã thực hiện.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 02 năm 2022.
2. Thông tư số 16/2021/TT-BYT ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

Điều 6. Điều khoản tham chiếu

Trường hợp các văn bản dẫn chiếu trong Thông tư này bị thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì áp dụng theo văn bản đã được thay thế hoặc văn bản đã được sửa đổi, bổ sung.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Cơ sở y tế có trách nhiệm mua sắm vật tư, hóa chất và sinh phẩm xét nghiệm SARS-CoV-2 theo đúng quy định của pháp luật về đấu thầu, quy định tại Nghị quyết số 79/NQ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về mua sắm thuốc, hóa chất, vật tư, trang thiết bị, phương tiện phục vụ phòng, chống dịch COVID-19, Nghị quyết số 86/NQ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về các giải pháp cấp bách phòng, chống dịch bệnh COVID-19 để thực hiện Nghị quyết 30/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội khóa XV và bảo đảm chất lượng, tiết kiệm, hiệu quả, chống lãng phí, tiêu cực.

2. Cơ sở y tế của Nhà nước khi thực hiện xét nghiệm định kỳ cho cán bộ, nhân viên y tế, xét nghiệm cho người bệnh, người nhà bệnh nhân theo quy định về chuyên môn y tế phải thực hiện gộp mẫu theo hướng dẫn của Bộ Y tế và thực tế của đơn vị, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

3. Trường hợp xét nghiệm tự nguyện theo yêu cầu, xét nghiệm cho các tổ chức, doanh nghiệp theo hợp đồng: cơ sở y tế của Nhà nước thực hiện thu của người sử dụng dịch vụ hoặc thanh toán với các tổ chức, doanh nghiệp theo mức giá áp dụng cho đối tượng không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế và chi phí mua sinh phẩm xét nghiệm theo quy định.

4. Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo chức năng, nhiệm vụ tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về giá, về đấu thầu đối với các cơ sở y tế của Nhà nước trên địa bàn, xử lý nghiêm các vi phạm nếu có, không để tăng giá dịch vụ xét nghiệm bất hợp lý.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các đơn vị, địa phương phản ánh bằng văn bản về Bộ Y tế để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận :

- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các đ/c Thứ trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (Vụ KGVX, Công báo; Công TTĐT Chính phủ);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Y tế, Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Vụ, Cục, Tổng cục, Thanh tra, các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế;
- Công TTĐT Bộ Y tế;
- Lưu: VT, KHTC(02), PC(02).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Văn Thuấn

Phụ lục
MỨC GIÁ DỊCH VỤ XÉT NGHIỆM SARS-COV-2
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2022/TT-BYT ngày tháng năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Y tế)

| STT | DANH MỤC DỊCH VỤ | Mức giá | |
|------------|---|---|--|
| | | Mức giá (chưa bao gồm sinh phẩm xét nghiệm) | Mức giá tối đa bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm |
| A | B | 1 | 2 |
| I | Xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag test nhanh mẫu đơn | 11.200 | 78.000 |
| II | Xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag miễn dịch tự động/ bán tự động mẫu đơn, gồm: | 30.800 | 178.900 |
| III | Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR trong trường hợp mẫu đơn, gồm: | 212.700 | |
| 1 | Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm | 45.400 | |
| 2 | Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả | 167.300 | |
| 3 | Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm phản ứng | | 501.800 |
| IV | Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR trong trường hợp mẫu gộp | | |
| 1 | Trường hợp gộp ≤ 5 que tại thực địa (nơi lấy mẫu) | 78.800 | |
| 1.1 | Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm | 24.100 | |
| 1.2 | Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả | 54.700 | |
| 1.3 | Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm phản ứng | | |
| 1.3.1 | Trường hợp gộp 2 que | | 223.300 |
| 1.3.2 | Trường hợp gộp 3 que | | 175.100 |
| 1.3.3 | Trường hợp gộp 4 que | | 151.000 |
| 1.3.4 | Trường hợp gộp 5 que | | 136.600 |
| 2 | Trường hợp gộp 6-10 que tại thực địa (nơi lấy mẫu) | 62.500 | |
| 2.1 | Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm | 23.300 | |
| 2.2 | Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả | 39.200 | |

| STT | DANH MỤC DỊCH VỤ | Mức giá | |
|----------|---|---|--|
| | | Mức giá (chưa bao gồm sinh phẩm xét nghiệm) | Mức giá tối đa bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm |
| 2.3 | Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm phản ứng | | |
| 2.3.1 | Trường hợp gộp 6 que | | 110.600 |
| 2.3.2 | Trường hợp gộp 7 que | | 103.800 |
| 2.3.3 | Trường hợp gộp 8 que | | 98.600 |
| 2.3.4 | Trường hợp gộp 9 que | | 94.600 |
| 2.3.5 | Trường hợp gộp 10 que | | 91.400 |
| 3 | Trường hợp gộp ≤ 5 mẫu tại phòng xét nghiệm | 112.500 | |
| 3.1 | Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm | 48.400 | |
| 3.2 | Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả | 64.100 | |
| 3.3 | Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm phản ứng | | |
| 3.3.1 | Trường hợp gộp 2 mẫu | | 257.000 |
| 3.3.2 | Trường hợp gộp 3 mẫu | | 208.800 |
| 3.3.3 | Trường hợp gộp 4 mẫu | | 184.700 |
| 3.3.4 | Trường hợp gộp 5 mẫu | | 170.300 |
| 4 | Trường hợp gộp 6-10 mẫu tại phòng xét nghiệm | 97.200 | |
| 4.1 | Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm | 49.200 | |
| 4.2 | Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả | 48.000 | |
| 4.3 | Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm phản ứng | | |
| 4.3.1 | Trường hợp gộp 6 mẫu | | 145.300 |
| 4.3.2 | Trường hợp gộp 7 mẫu | | 138.500 |
| 4.3.3 | Trường hợp gộp 8 mẫu | | 133.300 |
| 4.3.4 | Trường hợp gộp 9 mẫu | | 129.300 |
| 4.3.5 | Trường hợp gộp 10 mẫu | | 126.100 |